

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỊNH QUÁN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 14-01-2022  
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tuấn.***

***Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị Quy.***

***- Ông Lê Minh Giang.***

***- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nguyễn Thành Trung*** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa:***  
Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán không tham gia phiên tòa theo Công văn số 376/CV – VKS – DS ngày 22 tháng 12 năm 2021.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, xét xử công khai vụ án thụ lý số 323/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 186/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29/12/2021 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Kim N***, sinh năm: 1988.

Hộ khẩu thường trú: ấp Chợ, xã Suối Nho, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở: 21/3 Chợ Suối Cát, xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

***2. Bị đơn: Anh Lê Thanh T***, sinh năm: 1980.

Cư trú: ấp Chợ, xã Suối Nho, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

(Chị N, anh T vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 12/10/2021; bản tự khai ngày 30/11/2021 nguyên đơn là chị Huỳnh Thị Kim N trình bày:

Về hôn nhân: Chị N và anh T sau khi tìm hiểu nhau một thời gian thì tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010, đến năm 2013 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Suối Nho và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 142/2013 ngày 03/10/2013. Chung sống vợ chồng đến năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T ăn chơi dẫn đến thiếu nợ khắp nơi, chị N đã nhiều lần tha thứ cho anh T, nhưng anh T vẫn không thay đổi. Chị N và anh T đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, hiện tại chị N không còn tình cảm vợ

chồng với anh T. Vì vậy, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 03 con chung là Lê Bảo C – sinh ngày 10/8/2011, Lê Thiên B – sinh ngày 20/8/2012 và Lê Bảo A – sinh ngày 07/02/2016. Khi ly hôn chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả ba con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 30/11/2021 bị đơn là anh Lê Thanh T trình bày:

Anh T và chị N sau thời gian tìm hiểu nhau, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Suối Nho vào ngày 03/10/2013. Sau khi kết hôn thì anh T và chị N sống tại Suối Nho và sau đó có ra thuê nhà làm ăn buôn bán tại xã Suối Cát. Trong quá trình chung sống anh T thừa nhận có chơi bời phá tiền của vợ làm ra nên chị N giận và đòi ly hôn, đến tháng 8/2020 anh T có bỏ đi để làm lại bản thân, không chung sống với vợ cho đến tháng 3/2021 thì anh T quay về sống chung, nhưng vợ chồng vẫn phát sinh mâu thuẫn và cãi nhau. Anh T cho rằng chị N yêu cầu ly hôn vì đã có người đàn ông khác, nhưng anh T vẫn chấp nhận bỏ qua vì hạnh phúc gia đình và vì tương lai của 03 đứa con nên anh T không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 03 con chung là Lê Bảo C – sinh ngày 10/8/2011, Lê Thiên B – sinh ngày 20/8/2012 và Lê Bảo A – sinh ngày 07/02/2016. Khi ly hôn anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả ba con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên anh T có bản tự khai bổ sung là đồng ý giao các con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi các con chung khi ly hôn.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn: Do bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Chị Huỳnh Thị Kim N yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh Lê Thanh T nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn" theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Lê Thanh T hiện cư trú tại xã Suối Nho, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Về xác định tư cách đương sự: Căn cứ Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định chị Huỳnh Thị Kim N là nguyên đơn; anh Lê Thanh T là bị đơn trong vụ án.

[2] Về đường lối giải quyết vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị N và anh T tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 03/10/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Suối Nho. Vì vậy, hôn nhân giữa chị N và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, qua xem xét lời trình bày của chị N và anh T cùng với sự thừa nhận về mâu thuẫn vợ chồng giữa các bên thì đây là tình tiết không cần phải chứng minh. Căn cứ vào tình trạng hôn nhân thực tế giữa các bên có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng chị N và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng, dẫn đến việc các bên ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Như vậy, hôn nhân của chị N và anh T đã vi phạm quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 “*Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau*”.

Xét thấy đời sống chung vợ chồng giữa chị N và anh T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và chị N giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn.

Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, giải quyết cho chị N được ly hôn với anh T theo Điều 51, 53, 54, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Để đảm bảo quyền lợi, nguyện vọng của các con chung chưa thành niên và nguyện vọng của chị N về việc nuôi con, bên cạnh đó các cháu lớn lên bên nhau và được chị N chăm sóc phát triển tốt trong một môi trường đảm bảo các điều kiện cho sự phát triển của các cháu, mặt khác anh T đã có thời gian bỏ nhà đi và không có nghề nghiệp ổn định nên không có khả năng nuôi dưỡng các cháu. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao các cháu là Lê Bảo C – sinh ngày 10/8/2011, Lê Thiên B – sinh ngày 20/8/2012 và Lê Bảo A – sinh ngày 07/02/2016 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Huỳnh Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 68, 147, 207, 220, 227, 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Kim N. Chị Huỳnh Thị Kim N được ly hôn với anh Lê Thanh T.

- Về con chung: Giao các cháu là Lê Bảo C – sinh ngày 10/8/2011, Lê Thiên B – sinh ngày 20/8/2012 và Lê Bảo A – sinh ngày 07/02/2016 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

- Về án phí: Chị Huỳnh Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn. Được cản trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai số 0003281 ngày 22/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán. Chị N đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Chị Huỳnh Thị Kim N và anh Lê Thanh T vắng mặt tại phiên tòa, nên được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Nơi nhận:*

- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THADS huyện Định Quán;
- Các đương sự;
- UBND xã Suối Nho;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Trần Văn Tuấn**